TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-10-2019
V/v tranh chấp HNGĐ về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Hải,

2. Ông Nguyễn Thái Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2019/ TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh năm: 1989. Địa chỉ cư trú: Số XX, ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Số A, ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Hữu N, sinh năm: 1980. Địa chỉ cư trú: Số XX, ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-7-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh T trình bày:

Chị và anh N tự tìm hiểu sống chung với nhau vào năm 2011 đăng ký kết hôn cùng năm tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không có công việc ổn định, không lo làm ăn, không lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cải vã nhau, nhiều lần anh N còn đánh đập chị T. Sau khi vợ chồng gây gỗ, đánh nhau chị T đã dọn về nhà cha mẹ ruột của chị T sinh sống, chị và anh N ly thân từ tháng 03-2018 đến nay. Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Hữu N.

Về con chung: Chị và anh N có một con chung tên Lê Hoàng P, sinh ngày XXX. Hiện tại cháu P đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh N không có nợ ai.

Bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có lời khai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản tố tụng và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh N.

Về con chung: giao cháu Lê Hoàng P, sinh ngày XXX cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huỳnh T phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N, anh N có địa chỉ cư trú tại huyện B, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, anh N đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ nhưng anh N cố tình vắng mặt không có lý do, áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh N kết hôn vào năm 2011, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 109 ngày 28-7-2011 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị T và anh N phát sinh mâu thuẫn do anh N không có việc làm ổn định, không lo làm ăn, không lo cho gia đình, nên chị T đã dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống, chị và anh N ly thân từ tháng 03-2018 đến nay, vợ chồng không hàn gắn, đoàn tụ được. Qua xác minh, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có một con chung tên Lê Hoàng P, sinh ngày XXX hiện đang sống với chị T. Xét thấy, trong thời gian không còn chung sống với nhau chị T đã nuôi con tốt, bảo đảm nhu cầu vật chất, tinh thần cho con và theo nguyện vọng của cháu P, nên giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huỳnh T phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Huỳnh T đối với anh Lê Hữu N. Chị T được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Hoàng P, sinh ngày XXX cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị T trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huỳnh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0022058 ngày 01-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Lê Hữu N không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị Huỳnh T có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Hữu N có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoài Tâm